

QUYẾT ĐỊNH

phê duyệt danh sách trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Lào Cai, năm 2021

- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Căn cứ Kế hoạch số 40-KH/TU ngày 12/5/2021 của Tỉnh ủy Lào Cai về tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Lào Cai, năm 2021;
- Căn cứ Quy định số 248-QĐ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- Xét đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách 76 thí sinh trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Lào Cai năm 2021, cụ thể như sau:

- Nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên: 47 thí sinh;
- Nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính: 27 thí sinh;
- Thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II: 02 thí sinh.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới thí sinh theo quy định. Ký ban hành Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức (xếp hạng viên chức) đối với thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng năm 2021.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Như điều 3,
- Các ủy viên Hội đồng,
- Trưởng Ban giám sát,
- Báo Lào Cai (đăng tải trên Báo điện tử),
- Cổng thông tin điện tử: Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thư ký Bí thư Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Đặng Xuân Phong

DANH SÁCH

Trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức năm 2021

Thí sinh dự thi nâng ngạch từ Cán sự lên Chuyên viên

(Kèm theo Quyết định số 351-QĐ/TU ngày 09/12/2021 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính, dân tộc		Chức vụ, đơn vị đang công tác	Điểm thi kiến thức chung	Điểm thi ngoại ngữ	Điểm thi chuyên ngành	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nông Thị Diễm	25/11/1984		Tày	Văn thư Ban Dân vận Tỉnh ủy	58,0	Miễn thi	80,0	
2	Nguyễn Nữ Hoàng Điệp	27/04/1989		Kinh	Kế toán, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	46,0	19,0	80,0	
3	Lương Thị Thanh Điệp	12/10/1986		Kinh	Công chức Hội LHPN thành phố Lào Cai	55,0	21,0	80,0	
4	Trương Thị Bình	06/03/1969		Pa Dí	Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Mường Khương	54,0	Miễn thi	79,5	
5	Trần Hoài Nam	15/10/1981	Kinh		Trưởng phòng Đoàn thể Các Hội - Tổng hợp, Ban Dân vận Tỉnh ủy	55,0	Miễn thi	75,0	Có CC tiếng Mông
6	Trịnh Thúy Hương	30/7/1982		Kinh	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, Tỉnh	58,0	20,0	70,0	
7	Hoàng Thị Mây	02/4/1982		Tày	Công chức Hội LHPN huyện Bảo Yên	47,0	Miễn thi	70,0	
8	Âu Văn Tân	19/4/1981	Sán chay		Công chức Văn phòng Thành ủy Lào Cai	54,0	Miễn thi	70,0	
9	Lê Thị Hải Yến	21/12/1984		Kinh	Công chức Ban Tổ chức Huyện ủy Bảo Thắng	58,0	Miễn thi	70,0	Có CC tiếng Mông
10	Bùi Hải Huyền	29/3/1988		Kinh	Công chức Hội Nông dân thị xã Sa Pa	50,0	Miễn thi	69,5	Có CC tiếng Mông
11	Nguyễn Thị Hải	10/12/1982		Kinh	Công chức Văn thư Ban Tổ chức Tỉnh ủy	54,0	16,0	65,0	
12	Nguyễn Việt Hưng	06/6/1985	Kinh		Công chức Hội Nông dân thị xã Sa Pa	50,0	Miễn thi	65,0	Có CC tiếng Mông
13	Mai Khắc Tính	10/5/1966	Kinh		Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố Lào Cai	57,0	20,0	65,0	
14	Nguyễn Thu Băng	12/01/1983		Tày	Công chức Hội Nông dân huyện Si Ma Cai	56,0	Miễn thi	64,0	
15	Nguyễn Bộ Lĩnh	19/12/1977	Kinh		Công chức Ban Tổ chức Thành ủy Lào Cai	58,0	24,0	62,5	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính, dân tộc		Chức vụ, đơn vị đang công tác	Điểm thi kiến thức chung	Điểm thi ngoại ngữ	Điểm thi chuyên ngành	Ghi chú
			Nam	Nữ					
16	Bàn Thị Thanh	01/9/1979		Dao	Công chức Ban Dân vận Huyện ủy Bảo Thắng	55,0	Miễn thi	61,5	
17	Nguyễn Thị Hải	12/12/1982		Kinh	Phó chủ tịch Hội LHPN huyện Si Ma Cai	46,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
18	Nguyễn Thị Lệ Hằng	11/ 3/1982		Tày	Kế toán Huyện ủy Bắc Hà	44,0	Miễn thi	60,0	
19	Nguyễn Xuân Hùng	11/5/1990	Kinh		Phó bí thư Huyện đoàn Bát Xát	50,0	17,0	60,0	
20	Nguyễn Thị Thu Hương	18/8/1971		Kinh	Công chức Ban Tổ chức Huyện ủy Bảo Yên	52,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
21	Hoàng Thanh Huyền	15/5/1984		Tày	Công chức Văn phòng Huyện ủy Bắc Hà	59,0	Miễn thi	60,0	
22	Vi Thị Loan	28/8/1983		Tày	Phó chủ tịch Hội LHPN huyện Văn Bàn	57,0	Miễn thi	60,0	
23	Lý Seo Vân	29/4/1980	Mông		Công chức Ban Dân vận Huyện ủy Bảo Thắng	59,0	Miễn thi	60,0	
24	Lý Thị Khoa	28/12/1988		Mông	Công chức Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Mường Khương	53,0	Miễn thi	59,5	
25	Trần Thị Hương	03/9/1984		Kinh	Công chức Ban Dân vận Huyện ủy Bắc Hà	56,0	Miễn thi	58,5	Có CC tiếng Mông
26	Trần Thị Hà	20/07/1986		Kinh	Công chức Văn phòng Huyện đoàn Bảo Yên	43,0	27,0	55,0	
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/8/1983		Kinh	Văn thư Huyện ủy Văn Bàn	53,0	17,0	55,0	
28	Chào Ngà Liễu	10/11/1980	Dao		Công chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Mường Khương	55,0	Miễn thi	55,0	
29	Đỗ Thị Mai	19/7/1981		Kinh	Kế toán Văn phòng Huyện ủy Mường Khương	36,0	23,0	55,0	
30	Nguyễn Thành Phú	24/10/1981	Kinh		Phóng viên Báo Lào Cai	54,0	19,0	55,0	
31	Triệu Thanh Thúy	02/9/1984		Tày	Trưởng Ban Tuyên giáo - Trường học, Tỉnh đoàn	57,0	Miễn thi	55,0	
32	Trần Thị Ánh Tuyết	07/5/1982		Kinh	Kế toán Khối Đoàn thể huyện Si Ma Cai	57,0	Miễn thi	54,0	Có CC tiếng Mông
33	Phạm Thị Kim Anh	12/11/1985		Kinh	Kế toán Huyện ủy Si Ma Cai	59,0	Miễn thi	53,5	Có CC tiếng Mông

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính, dân tộc		Chức vụ, đơn vị đang công tác	Điểm thi kiến thức chung	Điểm thi ngoại ngữ	Điểm thi chuyên ngành	Ghi chú
			Nam	Nữ					
34	Nguyễn Thị Điều	20/03/1981		Kinh	Phó Văn phòng Huyện ủy Mường Khương	60,0	Miễn thi	52,0	Có CC tiếng Mông
35	Ninh Quang Sáng	13/9/1972	Kinh		Công chức Văn phòng, Liên đoàn Lao động tỉnh	31,0	16,0	51,5	
36	Lâm Phương Thúy	14/11/1989		Kinh	Công chức Văn phòng Thành ủy Lào Cai	53,0	16,0	51,5	
37	Nguyễn Đức Cao	09/10/1976	Kinh		UV thường trực UBMTTQ huyện Văn Bàn	54,0	Miễn thi	50,0	Có CC tiếng Mông
38	Giàng Đức Công	03/02/1987	Mông		Công chức Ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà	54,0	Miễn thi	50,0	
39	Đặng Thị Phượng Hà	01/9/1978		Kinh	Văn thư Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	58,0	Miễn thi	50,0	Có CC tiếng Mông
40	Trịnh Thị Minh Hải	12/10/1977		Kinh	Công chức Văn phòng Huyện ủy Bảo Yên	38,0	Miễn thi	50,0	Có CC tiếng Mông
41	Phùng Thị Hồng Khuyên	05/8/1976		Nùng	Phó chủ tịch UBMTTQ huyện Bảo Yên	50,0	Miễn thi	50,0	
42	Vũ Thị Hồng Liên	21/6/1984		Kinh	Công chức Phòng Lưu trữ, Văn Phòng Tỉnh ủy	56,0	Miễn thi	50,0	Có CC tiếng Mông
43	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	16/7/1978		Kinh	Văn thư, Ban Nội chính Tỉnh ủy	33,0	Miễn thi	50,0	Có CC tiếng Mông
44	Vương Sự Nghiệp	04/8/1988	Nùng		Phó bí thư Huyện đoàn Mường Khương	51,0	Miễn thi	50,0	
45	Nguyễn Thị Kiều Oanh	05/8/1988		Kinh	Công chức Văn phòng Huyện ủy Bảo Yên	57,0	19,0	50,0	
46	Triệu Thị Pháy	25/9/1983		Dao	Công chức Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Thắng	57,0	Miễn thi	50,0	
47	Giàng Thị Phượng	19/5/1982		Mông	Chủ tịch LĐLĐ huyện Bảo Yên, Liên đoàn Lao động tỉnh	59,0	Miễn thi	50,0	
Tổng số		47	13	34					

DANH SÁCH

Trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức năm 2021

Thí sinh dự thi nâng ngạch từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính

(Kèm theo Quyết định số 351-QĐ/TU ngày 09/12/2021 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính, dân tộc		Chức vụ, đơn vị, đang công tác	Điểm thi kiến thức	Điểm thi ngoại ngữ	Điểm thi chuyên ngành	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Thị Thu Hiền	28/7/1980		Kinh	Công chức Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy	50,0	Miễn thi	80,0	Có CC tiếng Mông
2	Trần Thị Nguyệt	20/01/1984		Kinh	Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Lào Cai	56,0	24,0	75,0	
3	Trịnh Xuân Quyết	05/5/1981	Kinh		Công chức Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	60,0	Miễn thi	74,0	Có CC tiếng Mông
4	Ngô Thị Hà	10/8/1972		Kinh	Chánh Văn phòng Huyện ủy Si Ma Cai	59,0	Miễn thi	70,0	Có CC tiếng Mông
5	Phạm Quang Vinh	09/4/1973	Kinh		Bí thư Xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn	55,0	Miễn thi	70,0	Có CC tiếng Mông
6	Nguyễn Hữu Thanh	21/01/1972	Kinh		Chánh Văn phòng Huyện ủy Bảo Thắng	55,0	Miễn thi	66,0	Có CC tiếng Mông
7	Nguyễn Viết Bình	25/10/1981	Kinh		Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Bảo Thắng, Liên đoàn Lao động tỉnh	59,0	Miễn thi	65,0	Có CC tiếng Mông
8	Hoàng Quốc Hùng	15/9/1975	Tày		Bí thư xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên (CB Luân chuyển)	59,0	Miễn thi	64,0	
9	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	28/3/1979		Kinh	Bí thư xã Bản Vược, huyện Bát Xát (CB luân chuyển)	58,0	Miễn thi	61,0	Có CC tiếng Mông
10	Phạm Thị Dung	04/9/1971		Kinh	Chánh Văn phòng, Liên đoàn Lao động tỉnh	58,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
11	Nguyễn Trường Giang	07/7/1977	Kinh		Chánh Văn phòng Thành ủy Lào Cai	49,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
12	Bùi Thị Huế	11/10/1981		Kinh	Trưởng Ban Tổ chức-Tổng hợp, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	58,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
13	Nguyễn Văn Phương	01/3/1979	Kinh		Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bảo Yên	58,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông
14	Lý Xuân Thành	24/8/1977	Mông		Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà	51,0	Miễn thi	60,0	
15	Nguyễn Thị Minh Xuân	06/5/1974		Kinh	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Mường Khương	52,0	Miễn thi	60,0	Có CC tiếng Mông

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính, dân tộc		Chức vụ, đơn vị, đang công tác	Điểm thi kiến thức	Điểm thi ngoại ngữ	Điểm thi chuyên ngành	Ghi chú
			Nam	Nữ					
16	Nguyễn Ngọc Linh	02/10/1987	Kinh		Phó Bí thư Tỉnh đoàn	59,0	Miễn thi	59,0	Có CC tiếng Mông
17	Nguyễn Xuân Định	07/10/1978	Kinh		Phó trưởng phòng Dân tộc - Tôn giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy	58,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
18	Hoàng Văn Hợp	05/6/1983	Kinh		Chánh Văn phòng UBMTTQ tỉnh	57,0	21,0	55,0	Có CC tiếng Mông
19	Nguyễn Thị Tố Như	06/4/1971		Kinh	Công chức Phòng Tài chính - Quản trị, Văn phòng Tỉnh ủy	56,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
20	Nguyễn Ngọc Thắng	11/9/1976	Kinh		Chánh văn phòng Huyện ủy Bảo Yên	59,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
21	Nguyễn Thị Thêu	10/7/1982		Kinh	Phó trưởng phòng Tham mưu công tác cải cách tư pháp - Tổng hợp, Ban Nội chính Tỉnh ủy	59,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
22	Phạm Văn Tùng	09/3/1980	Kinh		Bí thư xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng (CB luân chuyển)	57,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
23	Cao Văn Văn	08/7/1982	Kinh		Công chức Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	58,0	Miễn thi	55,0	Có bằng Th. sĩ nước ngoài
24	Trần Thị Xuân	25/4/1982		Kinh	Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Bắc Hà, Liên đoàn Lao động tỉnh	47,0	Miễn thi	55,0	Có CC tiếng Mông
25	Hà Đức Minh	28/4/1987	Tày		Bí thư Tỉnh đoàn	58,0	Miễn thi	54,0	
26	Vương Thị Thắm	10/02/1976		Giáy	Phó trưởng phòng Hành chính - Tiếp dân, Văn phòng Tỉnh ủy	54,0	Miễn thi	54,0	
27	Dương Thị Tâm	30/8/1979		Kinh	Bí thư thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng (CB luân chuyển)	57,0	Miễn thi	52,0	Có CC tiếng Mông
Tổng số		27	15	12					



DANH SÁCH

Trùng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức năm 2021

Thí sinh dự xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II

(Kèm theo Quyết định số 351-QĐ/TU ngày 09/12/2021 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số điểm của từng thí sinh		
				Điểm chuẩn	Điểm cộng	Tổng cộng
1	Hoàng Việt Hà	10/10/1979	Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trường Chính trị	100	15	115
2	Ngô Thị Hào	19/11/1984	Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị	100	7,5	107,5
	Tổng số : 02 đồng chí					